

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Chử - Cán bộ nghỉ hưu
2. Bà Dương Thị Thu Hồng - Chủ tịch Hội phụ nữ xã Cẩm Ninh

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 07 năm 2024, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST - HNGĐ ngày 30/5/2024 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 04/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1995 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: BK, BS, AT, Hưng Yên

Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

ĐKHKT: PT, TP, AT, Hưng Yên

Hiện đang chấp hành án tại phân trại 3, Trại giam Thanh Phong

Người có QLVN liên quan: Cháu Lê Công D, sinh năm 2012

Người đại diện hợp pháp của cháu: Chị B— Mẹ đẻ của cháu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2024 và lời khai của chị B trình bày chị và anh Đ là hai người khác xã, sau một thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, anh chị có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 02/01/2012. Sau khi cưới chị về ngay gia đình chồng chung sống, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc. Chị phát hiện anh Đ nghiện ma túy, sau một thời gian thì anh Đ phạm tội và đi chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến, trong thời gian anh Đ đi chấp hành án chị vẫn vào thăm nom và động viên anh Đ cải tạo tốt để sớm về với gia đình. Đến năm 2021,

anh Đ chấp hành án xong, nhưng vợ chồng không ở với nhau. Đến năm 2022, anh Đ tiếp tục phạm tội và đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong. Nay chị xác định không thể ở với anh Đ được nữa vì vợ chồng sống ly thân nhau hơn 10 năm, tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung. Hiện nay con chung đang ở với chị

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Đ trình bày: Anh và chị B có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 1 năm thì tiến tới hôn nhân, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào tháng 01/2012. Sau khi cưới chị B về ngay gia đình chồng chung sống, vợ chồng có 01 con chung. Sau khi sinh con được 1 tháng thì gia đình chị B đón chị B về chơi, một vài tháng sau anh phạm tội và bị xử phạt 10 năm 06 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến. Đến năm 2021, anh ra tù, khi anh về chị B không có nhà mà đi làm ăn, tháng 6/2022 anh tiếp tục phạm tội và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong. Nay chị B xin ly hôn anh đồng ý ly hôn vì anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2012, không còn qua lại gì với nhau nữa.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Lê Công D, sinh ngày 15/3/2012. Nay ly hôn anh để chị B tiếp tục nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị Biết (mẹ đẻ của chị B) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cho anh Đ, chị B. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào năm 2012. Sau khi cưới chị B về ngay gia đình chồng chung sống, anh chị chung sống cùng với gia đình chồng tại Phúc Tá, Tân Phúc. Khoảng vài tháng thì chị B sinh con được nửa tháng bà đón về, khi chị B về nhà bà chưa được một tháng thì Đ bị bắt và đi chấp hành án đến năm 2021 ra tù nhưng anh chị không về ở với nhau, chị B đi làm ăn, anh Đ đến nhà và nói chuyện với vợ chồng bà thì bà có khuyên anh Đ là hoàn lương tìm việc làm, anh Đ không nói gì, đến đón con về chơi khoảng vài tiếng lại về nhà bà, sau đó bà có cho anh Đ chiếc xe máy cũ để anh Đ làm phương tiện đi lại, khoảng 1 tháng thì anh Đ lại bị bắt, đến nay giữa vợ chồng anh chị không còn tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị B xin ly hôn mong muốn Tòa xử cho anh chị ly hôn vì anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay

Về con chung: Anh Đ, chị B có 01 con chung là Lê Công D, sinh năm 2012. Hiện nay cháu D đang ở với bà và chị B.

Về tài sản chung, công nợ: Không có

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bãi Sậy: Chị B, anh Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 02/01/2012 tại số 01. Sau khi cưới chị

B về gia đình anh Đ chung sống, nhưng được vài tháng chị B lại về nhà bố mẹ đẻ ở vì anh Đ phải đi chấp hành án, đến nay chị B và con vẫn ở cùng bố mẹ đẻ tại BK, BS, AT, Hưng Yên

Về con chung: Anh Đ, chị B có 01 con chung là Lê Công D, sinh năm 2012. Hiện nay cháu đang ở và học tập tại Bãi Sậy.

Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 24/7/2024: Chị B, anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điều 238 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật..

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh Đ.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Đ, chị B giao cháu Lê Công D, sinh ngày 15/3/2012 cho cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị B, anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Đ, chị B không có

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B, anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy vào ngày 02/01/2012. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị B, anh Đ là hợp pháp. Nay chị B có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Đ có ĐKKHKT tại PT, TP, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị B, anh Đ xác định vợ chồng chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn thì anh Đ phạm tội phải đi chấp hành hình phạt tù 02 lần, lần 1 từ năm 2012 đến năm 2021, lần 2 từ năm 2022 đến nay, quá trình chung sống anh Đ, chị B không có nhiều thời gian chung sống cùng nhau nên không có mâu thuẫn, nhưng do anh Đ, chị B đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay, tình cảm ngày một rạn nứt, anh Đ, chị B đều xác định tình cảm không còn nên không thể chung sống với nhau được nữa. Chị B kiên quyết xin ly hôn, anh Đ nhất trí ly hôn và anh Đ, chị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Xét hôn nhân của anh Đ, chị B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ, chị B không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh Đ.

[3] Về con chung: Anh Đ, chị B có 01 con chung là Lê Công D, sinh năm 2012. Nay ly hôn chị B, anh Đ thống nhất để chị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét sự thỏa thuận của anh Đ, chị B là phù hợp với thực tế vì hiện nay cháu đang ở với chị B, cháu D cũng có nguyện vọng ở với chị B, hơn nữa anh Đ đang phải chấp hành án nên để tránh việc xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của cháu nên HĐXX xét thấy giao con chung của anh Đ, chị B cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con chung. Về cấp dưỡng chị B không có yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Đ, chị B không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là tự nguyện nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 1 điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số

01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Văn Đ

2- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đ, chị B. Giao cháu Lê Công D, sinh ngày 15/3/2012 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị B. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

4 - Về án phí : Chị B tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000800 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả chị B 150.000 đồng.

5- Quyền kháng cáo: Chị B, anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Bãi Sậy, Ân Thi;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

